

**HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TRUNG TÂM TÀI CHÍNH
QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

Số: 05 /QĐ-HĐĐHTTTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

**HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 323/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 324/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 325/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về lao động, việc làm và an sinh xã hội trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 326/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về đất đai và môi trường trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 327/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú đối với người nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 328/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 329/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 330/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 92/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về chế độ, chính sách đặc thù đối với Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1186/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐĐHTTTC ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Chủ tịch Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 389/TTr-CQĐH ngày 16 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng thống nhất tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng, Thành viên, nhà đầu tư và các tổ chức, cơ quan, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các thành viên Hội đồng điều hành;
- UBND: Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý PTTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, HĐĐHTTTC.

10

**TM. HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
CHỦ TỊCH**



**PHÓ THỦ TƯỚNG
Nguyễn Văn Thắng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-HĐĐHTTTC ngày 24 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chi tiết Điều 11, Điều 12, Điều 13, điểm a khoản 2 Điều 20, Điều 24 Nghị quyết số 222/2025/QH15; điểm d khoản 2 Điều 9, Điều 10, điểm g khoản 2 Điều 12, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP; Điều 4, khoản 3 Điều 68, khoản 3 Điều 69, Điều 70 và Điều 71 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP; khoản 1 Điều 113 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP.

2. Quy chế này điều chỉnh hoạt động của Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Cơ quan điều hành tại các thành phố); quy định về hoạt động của Cơ quan điều hành tại các thành phố; tài chính của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm tài chính quốc tế); lựa chọn nhà đầu tư và lựa chọn nhà thầu của Trung tâm tài chính quốc tế; đăng ký, công nhận và chấm dứt tư cách Thành viên; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế, các Thành viên, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế.

Chương II HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH TẠI CÁC THÀNH PHỐ

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Cơ quan điều hành tại các thành phố

1. Cơ quan điều hành tại các thành phố là cơ quan hành chính đặc thù, thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện quản lý nhà nước, trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế trên địa bàn, hoạt động độc lập trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động tại Trung tâm tài chính

quốc tế, đối với nội dung chưa được quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, quy định chưa rõ hoặc có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan, Cơ quan điều hành tại các thành phố có trách nhiệm chủ trì, tổng hợp và lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan và đơn vị liên quan, báo cáo Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Hội đồng điều hành) xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành tại các thành phố

Cơ quan điều hành tại các thành phố thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15, các Nghị định hướng dẫn chi tiết, quy định của pháp luật có liên quan và các nội dung sau đây:

1. Nhiệm vụ

a) Thực hiện hợp tác quốc tế; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và quảng bá hình ảnh Trung tâm tài chính quốc tế; trao đổi thông tin, nghiên cứu, đào tạo và đổi mới sáng tạo, tham gia mạng lưới các trung tâm tài chính trên toàn cầu; triển khai các chương trình ưu đãi ngoài ưu đãi về thuế, thu hút định chế tài chính và nhân lực chất lượng cao; ký kết thỏa thuận quốc tế theo trình tự, thủ tục của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế và các văn bản hướng dẫn thi hành; ký kết và thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác với cơ quan, tổ chức trong nước để thực hiện cung cấp các dịch vụ phục vụ cho hoạt động và phù hợp với mục tiêu, định hướng sự phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch, chương trình công tác hàng năm của Cơ quan điều hành tại các thành phố;

c) Căn cứ chiến lược, lộ trình, kế hoạch phát triển Trung tâm tài chính quốc tế do Hội đồng điều hành ban hành và ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố chủ quản, Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành chiến lược, kế hoạch, lộ trình phát triển Trung tâm tài chính quốc tế trên địa bàn ;

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm, đột xuất và theo yêu cầu, báo cáo Hội đồng điều hành, Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình, kết quả hoạt động, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy định pháp luật, chính sách và các nội dung liên quan tới Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Quyền hạn

a) Báo cáo Hội đồng điều hành ban hành hoặc giao Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành văn bản hướng dẫn các nội dung quy định tại các Nghị định hướng dẫn Nghị quyết số 222/2025/QH15; khoản 1 Điều 113 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP; báo cáo Hội đồng điều hành hướng dẫn hoạt động của ngân hàng thành viên ngoài các hoạt động quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương IV Nghị định số 329/2025/NĐ-CP sau khi thống nhất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

theo quy định tại khoản 4 Điều 113 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP;

b) Được thuê tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế thực hiện dịch vụ tư vấn và các dịch vụ liên quan phục vụ yêu cầu quản lý, vận hành Trung tâm tài chính quốc tế bao gồm: tư vấn pháp lý; xây dựng định hướng, chiến lược phát triển; xúc tiến đầu tư; thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lương theo cơ chế thị trường; xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn nghiệp vụ, quản lý giám sát hoạt động của Thành viên; tiêu chí và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược; xây dựng, vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống hành chính một cửa điện tử, sổ đăng ký Thành viên và các dịch vụ khác;

c) Được thành lập Hội đồng thẩm định, Tổ tư vấn, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, Hội đồng xét duyệt và các tổ, hội đồng khác để thực hiện chức năng thẩm định, tư vấn chuyên môn phục vụ công tác thẩm định hồ sơ đăng ký thành viên, cấp phép hoạt động và quản lý, điều hành Trung tâm tài chính quốc tế. Chủ tịch Cơ quan điều hành tại các thành phố quyết định thành lập các tổ, hội đồng, trong đó bao gồm các chuyên gia trong nước và quốc tế;

d) Trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị quyết số 222/2025/QH5 đối với nhà đầu tư, chuyên gia, khách hàng và cá nhân quốc tế đến làm việc, giao dịch tại Trung tâm tài chính quốc tế và làm việc tại các cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế;

đ) Quyết định kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; các sự kiện, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp, kết nối, trao đổi với cơ quan, tổ chức, cá nhân, đối tác trong nước và quốc tế; quyết định việc đi công tác, học tập, bồi dưỡng tại nước ngoài trong năm đối với nhân sự thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Mua sắm, sử dụng xe ô tô công vụ theo quy định;

g) Ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ và các Quy chế khác theo thẩm quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng điều hành, Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 5. Chế độ tiền lương, chế độ chính sách, tuyển dụng

1. Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, chế độ đãi ngộ đặc thù, vượt trội theo cơ chế thị trường đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Cơ quan điều hành tại các thành phố theo quy định của Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 323/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và quy định liên quan (nếu có). Cơ quan điều hành tại các thành phố được áp dụng chế độ tiền lương, chế độ đãi ngộ đặc thù, vượt trội, theo cơ chế thị

trường đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Cơ quan điều hành tại thành phố còn lại.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố được tuyển dụng công chức, viên chức; ký hợp đồng lao động với người lao động (ngoài người lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ) để thực hiện tất cả các vị trí việc làm, lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

3. Việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo Cơ quan điều hành tại các thành phố được ưu tiên trên cơ sở năng lực thực tiễn, kinh nghiệm quản trị và yêu cầu thu hút nhân sự chất lượng cao.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng thuê (trong trường hợp thuê chuyên gia trong nước trong độ tuổi lao động) đối với các vị trí lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Cơ quan điều hành tại các thành phố do Chủ tịch Cơ quan điều hành tại các thành phố quyết định trên cơ sở trình độ, năng lực, kinh nghiệm, bảo đảm phù hợp với yêu cầu về vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

CHƯƠNG III

TÀI CHÍNH CỦA TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 6. Nguồn thu, sử dụng nguồn thu và nội dung chi của Trung tâm tài chính quốc tế

1. Nguồn thu, sử dụng nguồn thu và nội dung chi của Trung tâm tài chính quốc tế được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ và các Quy chế khác do Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính quốc tế và quy định về cơ quan hành chính đặc thù tại Nghị định số 323/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố được quyết định, phân bổ và sử dụng nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành, đầu tư và phát triển Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15.

3. Chế độ đi công tác và tiếp khách của Cơ quan điều hành tại các thành phố

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Cơ quan điều hành tại các thành phố đi công tác nước ngoài: vé máy bay áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4, phòng nghỉ áp dụng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 và quy định về các chi phí khác theo Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Cơ quan điều hành tại các thành phố đi công tác trong nước: vé máy bay áp dụng theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm

c khoản 1 Điều 5, phòng nghỉ áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 và quy định về các chi phí khác theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính);

c) Đối với các chi phí tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước nhằm phục vụ nhiệm vụ đối ngoại và thu hút đầu tư của Trung tâm tài chính quốc tế: áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước. Mức chi tối đa không quá định mức chi áp dụng đối với Đoàn khách hạng B.

4. Việc sử dụng các khoản thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP được thực hiện theo Quy chế tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ do Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành trong phạm vi nội dung chi của Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại Điều 17 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

Điều 7. Quản lý tài sản, tài chính của Trung tâm tài chính quốc tế

1. Cơ quan điều hành tại các thành phố sử dụng tài sản công (được Nhà nước giao, nhận điều chuyển, tiếp nhận, do đơn vị đầu tư xây dựng, mua sắm và theo hình thức khác) để phục vụ cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thì không phải lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; không phải thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định về pháp luật quản lý tài sản công.

2. Việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo hình thức tự thực hiện hoặc thỏa thuận trực tiếp, theo quy trình cụ thể như sau:

a) Cơ quan điều hành tại các thành phố xây dựng phương án khai thác tài sản (kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết) gửi các cơ quan, tổ chức, nhà đầu tư, Thành viên thuộc Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Trên cơ sở phương án khai thác tài sản đã được xây dựng, các cơ quan, tổ chức, nhà đầu tư, Thành viên đăng ký nhu cầu khai thác tài sản;

c) Cơ quan điều hành tại các thành phố lựa chọn cơ quan, tổ chức, nhà đầu tư, Thành viên phù hợp để thực hiện thương thảo và ký kết Hợp đồng khai thác tài sản.

3. Trình tự, thủ tục khai thác tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ việc sử dụng tài sản công theo

Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài chính và các Quy chế khác do Cơ quan điều hành ban hành trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích, quy định.

Điều 8. Chi hỗ trợ cho Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế

1. Trung tâm Trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm Trọng tài quốc tế) được xem xét bố trí trụ sở trong Trung tâm tài chính quốc tế, được hỗ trợ trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí để đảm bảo hoạt động của Trung tâm trọng tài quốc tế theo khả năng ngân sách của các thành phố do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ cho Trung tâm trọng tài quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP.

3. Nội dung chi hỗ trợ cho Trung tâm trọng tài quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP. Cơ quan điều hành phối hợp với Hội đồng Sáng lập Trung tâm trọng tài quốc tế xác định mức phân bổ hằng năm trên cơ sở dự toán được phê duyệt.

4. Trung tâm Trọng tài quốc tế bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, công khai, minh bạch và hiệu quả.

CHƯƠNG IV LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 9. Chỉ định nhà đầu tư

1. Dự án đầu tư áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP, bao gồm:

a) Dự án PPP thuộc trường hợp được áp dụng chỉ định nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về PPP; Điều 55 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 243/2025/NĐ-CP); khoản 3 Điều 9 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là Nghị định số 257/2025/NĐ-CP); và các dự án hạ tầng đầu tư theo phương thức PPP quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

b) Dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp được áp dụng chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2a Điều 34 Luật Đấu thầu (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 7 Điều 5 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu

về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ và các Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Trung tâm tài chính quốc tế do Cơ quan điều hành tại các thành phố xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về PPP, pháp luật về đấu thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

1. Dự án đầu tư áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP, bao gồm:

a) Dự án PPP thuộc trường hợp được áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về PPP; Điều 57 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP; khoản 4 Điều 9 Nghị định số 257/2025/NĐ-CP; các dự án hạ tầng đầu tư theo phương thức PPP quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

b) Dự án đầu tư kinh doanh thuộc trường hợp được áp dụng lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 34a Luật Đấu thầu (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 7 Điều 5 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ và các Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Dự án hạ tầng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách của Trung tâm tài chính quốc tế quy định tại khoản 9 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15.

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thực hiện dự án quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về PPP, pháp luật về đấu thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Lựa chọn nhà thầu của Trung tâm tài chính quốc tế

1. Áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15 và quy định tại Điều 70 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP.

2. Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với các gói thầu thuộc dự án hệ thống hạ tầng của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 222/2025/QH15 và quy định tại Điều 71 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP.

3. Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt và các hình thức lựa chọn nhà thầu khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Đối với gói thầu, dự án không sử dụng ngân sách Nhà nước, không thuộc đối tượng áp dụng Luật Đấu thầu theo quy định tại Điều 2 Luật Đấu thầu, Cơ quan điều hành tại các thành phố tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

CHƯƠNG V

ĐĂNG KÝ, CÔNG NHẬN VÀ CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN

Điều 12. Đăng ký, công nhận, thay đổi và chấm dứt tư cách Thành viên

1. Thành viên đăng ký hoạt động ngành, nghề kinh doanh không thuộc Danh mục ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng thực hiện thủ tục đăng ký, công nhận, thay đổi và chấm dứt tư cách Thành viên theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP và tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

Thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan điều hành tại các thành phố, người có thẩm quyền chỉ chịu trách nhiệm về những nội dung được giao chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết thủ tục khác có liên quan theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15, các Nghị định hướng dẫn thi hành và quy định của pháp luật có liên quan; không chịu trách nhiệm về những nội dung đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó (nếu có).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn công nhận Thành viên đăng ký hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh không thuộc Danh mục ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15 và quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký Thành viên:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký Thành viên không thuộc Danh mục ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này và hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố;

b) Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức kinh doanh chứng khoán là Thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố;

c) Điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố;

d) Điều kiện thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa và các nội dung có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 330/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

4. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký Thành viên thuộc Danh mục ngành nghề hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố quy định tại khoản 2 Điều 14 Quy chế này.

5. Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên và Sổ đăng ký Thành viên:

a) Cơ quan điều hành tại các thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên dưới dạng điện tử; trường hợp cần thiết, có thể cấp bản giấy theo đề nghị của Thành viên;

b) Cơ quan điều hành tại các thành phố quản lý Sổ đăng ký Thành viên gồm: thông tin nhận dạng Thành viên, lĩnh vực hoạt động, tình trạng hoạt động, thông tin giấy phép/chấp thuận (nếu có) và các thay đổi liên quan;

c) Việc đăng ký, công nhận, điều chỉnh và chấm dứt tư cách Thành viên (trừ các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng) thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố. Thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của thông tin kê khai và tài liệu cung cấp.

6. Trường hợp cần thiết do yêu cầu quản lý, điều hành, do thay đổi của pháp luật hoặc thực tiễn hoạt động, Cơ quan điều hành các thành phố phối hợp, rà soát ban hành hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký Thành viên và các thủ tục có liên quan đến Thành viên theo quy định.

7. Cơ quan điều hành các thành phố phối hợp rà soát lấy ý kiến các cơ quan liên quan trình Hội đồng điều hành ban hành các văn bản hướng dẫn về quản lý hoạt động của Thành viên, doanh nghiệp, đảm bảo đầy đủ, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên

1. Thành viên có các quyền sau đây:

a) Thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật;

b) Được tiếp cận, sử dụng hạ tầng và dịch vụ công của Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Đề xuất tham gia sandbox và các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật, quy định của Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; khiếu nại, kiến nghị, phản ánh theo quy định;

đ) Quyền khác theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 222/2025/QH15, các Nghị định hướng dẫn thi hành và quy định của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

2. Thành viên có các nghĩa vụ sau đây:

a) Duy trì đầy đủ điều kiện hoạt động và quy định của Trung tâm tài chính

quốc tế;

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về quản trị, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro; bảo vệ nhà đầu tư/khách hàng;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu theo Quy chế này, quy định của Trung tâm tài chính quốc tế và quy định của pháp luật có liên quan; kịp thời báo cáo sự cố, rủi ro nghiêm trọng;

d) Nộp các khoản phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định;

đ) Thành viên có thành lập doanh nghiệp có nghĩa vụ theo quy định tại pháp luật về doanh nghiệp và các quy định hiện hành;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 222/2025/QH15, các Nghị định hướng dẫn thi hành và quy định của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

Điều 14. Thành viên là tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, ngân hàng, Sở giao dịch hàng hóa

1. Thành viên là tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, ngân hàng, Sở giao dịch hàng hóa thực hiện cấp phép thành lập, hoạt động và các nội dung liên quan khác theo quy định tại Nghị định số 324/2025/NĐ-CP, Nghị định số 329/2025/NĐ-CP và Nghị định số 330/2025/NĐ-CP.

Thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan điều hành tại các thành phố, người có thẩm quyền chỉ chịu trách nhiệm về những nội dung được giao chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết thủ tục khác có liên quan theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15, các Nghị định hướng dẫn thi hành và quy định của pháp luật có liên quan; không chịu trách nhiệm về những nội dung đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó (nếu có).

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phép thành lập, hoạt động và các thủ tục có liên quan đối với Thành viên hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại Điều này.

Điều 15. Thành viên là quỹ đầu tư, công ty quản lý tài sản

1. Tổ chức quốc tế được cấp phép tại nước nơi thành lập để thực hiện hoạt động quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho khách hàng; nhà đầu tư được thành lập công ty đầu tư (quỹ đầu tư tổ chức dưới hình thức công ty), công ty quản lý tài sản để lập quỹ đầu tư, công ty đầu tư hoạt động tại Trung tâm tài chính.

2. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động, công nhận và quy chế hướng dẫn hoạt động quỹ đầu tư, công ty quản lý tài sản do Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành.

3. Công ty quản lý quỹ là tổ chức kinh doanh chứng khoán trong nước thì thực hiện đăng ký Thành viên để hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15, Nghị định số 324/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Thành viên là doanh nghiệp FinTech

1. Trong thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, Cơ quan điều hành tại các thành phố căn cứ nhu cầu thực tế và kế hoạch phát triển hoạt động, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, thống nhất ban hành quy định, cơ chế, chính sách thử nghiệm có kiểm soát; cấp phép và quản lý đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh pháp luật chưa có quy định với thời hạn tối đa không quá 05 năm.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành các chương trình ưu đãi, hỗ trợ để thúc đẩy phát triển tài chính xanh; tài sản số và fintech; thị trường hàng hóa, hàng hóa phái sinh và lĩnh vực khác theo thẩm quyền theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 10 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP.

Điều 17. Sàn giao dịch sản phẩm tài chính xanh, sàn giao dịch chứng khoán quốc tế

Cơ quan điều hành tại các thành phố, căn cứ vào nhu cầu thực tiễn, bảo đảm phát huy hiệu quả, tránh lãng phí các nguồn lực, đánh giá đầy đủ, toàn diện về sàn giao dịch sản phẩm tài chính xanh, sàn giao dịch chứng khoán quốc tế; báo cáo Hội đồng điều hành ban hành quy chế hướng dẫn riêng sau khi thống nhất với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan về việc triển khai sàn giao dịch sản phẩm tài chính xanh, sàn giao dịch chứng khoán quốc tế.

CHƯƠNG VI

CƠ CHẾ PHỐI HỢP TRONG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Điều 18. Phối hợp giữa Cơ quan điều hành tại các thành phố

1. Cơ quan điều hành tại các thành phố phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng, phát triển Trung tâm tài chính quốc tế là một thực thể pháp lý thống nhất, hoạt động tại hai địa điểm.

a) Xây dựng định hướng phát triển phù hợp thể mạnh của từng địa phương, bổ trợ lẫn nhau; chia sẻ kinh nghiệm quản lý, kết nối mạng lưới đối tác chiến lược; phát triển hạ tầng công nghệ số đảm bảo dữ liệu thống nhất liên thông, sử dụng chung giữa các thành phố;

b) Phối hợp tổ chức hội thảo, sự kiện xúc tiến đầu tư, chia sẻ thông tin và thống nhất trong công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Thống nhất trong việc xây dựng, ban hành các văn bản, quy trình, quy chuẩn, thủ tục, biểu mẫu và các văn bản khác theo thẩm quyền được quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn thi hành để áp dụng thống nhất tại hai địa điểm. Cơ quan điều hành tại một trong hai thành phố thực hiện nhiệm vụ chủ trì, triển khai xây dựng phải lấy ý kiến và thống nhất Cơ quan điều hành tại địa điểm còn lại. Sau khi thống nhất, Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành văn bản theo Mẫu Quyết định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này để áp dụng chung tại Trung tâm tài chính quốc tế.

d) Trường hợp không thống nhất, Cơ quan điều hành tại các thành phố báo cáo Hội đồng điều hành xem xét, quyết định đảm bảo triển khai xây dựng, vận hành và phát triển Trung tâm tài chính quốc tế hiệu quả, kịp thời.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố tổ chức họp định kỳ hàng tháng, hàng quý và đột xuất để trao đổi thông tin, đánh giá tiến độ và thảo luận các nội dung liên quan đến Trung tâm tài chính quốc tế.

3. Cơ quan điều hành tại các thành phố tổ chức thành lập các nhóm công tác để xây dựng quy chế, quy định, quy trình, thủ tục, các văn bản khác và giải quyết các vấn đề chuyên môn và thiết lập kênh trao đổi, cập nhật thông tin, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, kịp thời giữa hai địa điểm.

4. Thực hiện các nhiệm vụ phối hợp công tác khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Phối hợp giữa Cơ quan điều hành tại các thành phố với Cơ quan giám sát

1. Cơ quan điều hành tại các thành phố phối hợp với Cơ quan giám sát trong việc:

a) Xây dựng các quy trình, quy chế giám sát đối với Thành viên và hoạt động của Thành viên, nhà đầu tư, tổ chức trong Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Kịp thời cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Thành viên, nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân liên quan trong Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động theo yêu cầu giám sát chung;

d) Rà soát, đề xuất sửa đổi các cơ chế, chính sách, quy chế, quy trình nội bộ để bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về Trung tâm tài chính quốc tế;

đ) Tổ chức tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm quản lý rủi ro và tuân thủ pháp luật, xây dựng quy trình phối hợp xử lý khẩn cấp sự cố, vi phạm.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định; phối hợp kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch hoặc khi cần thiết; xây dựng quy chế làm việc chung (hoặc hướng dẫn nội bộ) quy định rõ trách nhiệm phối hợp trong các tình huống cụ thể; hỗ trợ Cơ quan giám sát thu thập thông tin, giải quyết hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

3. Thực hiện các nhiệm vụ phối hợp công tác khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các bên có liên quan.

4. Việc phối hợp giữa Cơ quan điều hành tại các thành phố và Cơ quan giám sát phải được thực hiện trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bảo đảm tính độc lập trong hoạt động giám sát và phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về cấp phép, quản lý và giám sát các hoạt động tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 20. Phối hợp giữa Cơ quan điều hành tại các thành phố với cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc của thành phố

1. Đối với lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường, Cơ quan điều hành tại các thành phố tiếp nhận hồ sơ của Thành viên, phối hợp với Cơ quan có thẩm quyền về đất đai, bảo vệ môi trường để thực hiện thủ tục có liên quan theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 326/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố và cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân các thành phố thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quy định tại điểm c khoản 5 Điều 10 và khoản 4 Điều 20 Nghị định số 323/2025/NĐ-CP, Nghị quyết số 222/2025/QH15.

3. Thực hiện các nhiệm vụ phối hợp công tác khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các bên có liên quan.

Điều 21. Phối hợp giữa Cơ quan điều hành tại các thành phố với Bộ, ngành Trung ương

1. Cơ quan điều hành tại các thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành Trung ương trong việc:

a) Tổ chức thực hiện các yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ, ngành Trung ương theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương;

c) Xây dựng, vận hành hệ thống kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát và phân tích thị trường;

d) Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành Trung tâm tài chính quốc tế, Cơ quan điều hành tại các thành phố gửi văn bản đến Bộ, ngành Trung ương có liên quan để đề nghị hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Bộ, ngành và cơ quan Trung ương phối hợp với Cơ quan điều hành tại các thành phố trong một số nội dung:

a) Xây dựng các quy định, quy trình, văn bản hướng dẫn, thủ tục, biểu mẫu thuộc thẩm quyền ban hành của Cơ quan điều hành tại các thành phố được quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 222/2025/QH15;

b) Nghiên cứu, kiến nghị cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để đảm bảo hoạt động linh hoạt, hiệu quả của Trung tâm tài chính quốc tế, phù hợp tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của thị trường tài chính;

c) Hướng dẫn danh mục các nội dung, biểu mẫu và mốc thời gian yêu cầu Cơ quan điều hành tại các thành phố báo cáo phục vụ cho việc theo dõi, quản lý và điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

d) Trả lời, góp ý, hướng dẫn, giải quyết các phát sinh vướng mắc của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

3. Thực hiện các nhiệm vụ phối hợp công tác khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các bên có liên quan.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Chế độ báo cáo

1. Thành viên và các tổ chức có liên quan thực hiện chế độ báo định kỳ và đột xuất theo quy định.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố có trách nhiệm báo cáo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Quy chế này và các nội dung sau:

- a) Kết quả hoạt động, thu hút đầu tư, đổi mới sáng tạo;
- b) Công tác quản lý, giám sát rủi ro, xử lý khiếu nại;
- c) Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, quy định pháp luật;
- d) Thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan điều hành tại các thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn, triển khai, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy chế này;

b) Ban hành các quy định, hướng dẫn nội bộ, quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu và tiêu chuẩn kỹ thuật để cụ thể hóa các nội dung của Quy chế;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố và các tổ chức liên quan trong việc xây dựng Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên, bao gồm Cổng thông tin đăng ký thành viên và Cơ sở dữ liệu về thành viên, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan có liên quan để đơn giản hóa thủ tục hành chính trong Trung tâm tài chính quốc tế; vận hành, giám sát và phát triển Trung tâm tài chính quốc tế;

d) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, Cơ quan điều hành tại các thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cơ quan giám sát, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan trình Hội đồng điều

hành ban hành Quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin và quản lý, giám sát liên thông với các nội dung chính bao gồm cơ chế chia sẻ dữ liệu về hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối, phòng, chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; phối hợp liên ngành trong cấp phép và quy trình xử lý vi phạm liên thông phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 113 Nghị định số 329/2025/NĐ-CP và đảm bảo xử lý đồng bộ các vi phạm đối với Thành viên có hiện diện thương mại trong Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư, Thành viên hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế có trách nhiệm:

a) Tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế và hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố;

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu và báo cáo kịp thời phục vụ công tác quản lý, giám sát của Trung tâm tài chính quốc tế;

c) Phối hợp với Cơ quan điều hành tại các thành phố và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

3. Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Bảo đảm các điều kiện hạ tầng, đất đai, dịch vụ công, nhân lực, an ninh trật tự, và hỗ trợ hành chính phục vụ hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế; bố trí ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất, tài sản công và nguồn nhân lực đảm bảo hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính quốc tế;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc của thành phố phối hợp với Cơ quan điều hành tại các thành phố trong hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế.

Điều 24. Hướng dẫn thi hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thi hành Quy chế, nếu phát sinh vấn đề mới chưa được quy định hoặc có vướng mắc về cách hiểu, cách áp dụng, Hội đồng điều hành có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn thi hành Quy chế này.

2. Các Bộ, ngành, cơ quan, Thành viên, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ thực hiện hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố ban hành.

3. Cơ quan điều hành tại các thành phố định kỳ rà soát hoặc khi cần thiết, tổng hợp các khó khăn vướng mắc và báo cáo, đề xuất Hội đồng điều hành sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng thống nhất trong Trung tâm tài chính quốc tế.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc thực hiện được áp dụng theo

văn bản mới.

3. Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15, các Nghị định hướng dẫn thi hành, Quy chế này và yêu cầu quản lý, điều hành, vận hành Trung tâm tài chính quốc tế trong từng thời kỳ, Cơ quan điều hành tại các thành phố được ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ và các văn bản cần thiết khác theo từng lĩnh vực để hướng dẫn, tổ chức thực hiện trong Trung tâm tài chính quốc tế./.

Phụ lục I
ĐĂNG KÝ, CÔNG NHẬN VÀ CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN
CỦA TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM ĐỐI VỚI
NGÀNH, NGHỀ KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG
(Kèm theo Quy chế ban hành theo
Quyết định số 05 /QĐ-HDDHTTTC ngày 24 tháng 7 năm 2026)

I. Nguyên tắc chung

1. Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư gửi hồ sơ bằng tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt cho Cơ quan điều hành tại các thành phố để thực hiện đăng ký Thành viên theo một trong các phương thức sau đây: trực tiếp tại Cơ quan điều hành tại các thành phố; dịch vụ bưu chính; Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên.

2. Cơ quan điều hành tại các thành phố nơi tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư dự kiến đặt trụ sở chính là đầu mối tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, điều phối lấy ý kiến thẩm định và trả kết quả; nội dung thẩm định việc đáp ứng điều kiện đăng ký, công nhận Thành viên và nội dung chuyên ngành (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Quy chế này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Để hoạt động tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Trung tâm tài chính quốc tế), tùy vào ngành, nghề kinh doanh, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện quy định như sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng cần liên hệ Cơ quan điều hành tại các thành phố để được hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động được thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố. Trong trường hợp này, Giấy phép thành lập và hoạt động đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên.

Cơ quan điều hành tại các thành phố hướng dẫn Danh mục ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại Trung tâm tài chính quốc tế.

b) Đối với tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký hoạt động kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật, các Nghị định hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 222/2025/QH15, yêu cầu giấy phép hoạt động chuyên ngành (luật, kế toán, kiểm toán, ...), tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Mục II của Phụ lục này; cấp Giấy phép hoạt động hoặc Giấy phép đủ điều kiện hoạt động trước khi hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế (khoản 7 Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP); hoặc theo quy định, hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

c) Đối với tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh không yêu cầu điều kiện, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Mục II của Phụ lục này.

II. Trình tự, thủ tục đăng ký Thành viên, thay đổi thông tin và chấm dứt tư cách Thành viên

1. Đăng ký Thành viên

Trước khi nộp hồ sơ đăng ký Thành viên, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư cần liên hệ Cơ quan điều hành tại các thành phố để được hướng dẫn về ngành, nghề, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế và các quy định có liên quan về cấp phép Thành viên và cấp phép hoạt động.

Bước 1. Nộp hồ sơ: Các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký Thành viên theo danh mục hồ sơ công bố trên Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên; theo một trong các phương thức sau đây: trực tiếp tại Cơ quan điều hành tại các thành phố; dịch vụ bưu chính; Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên.

Bước 2. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan điều hành tại các thành phố kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ; trường hợp cần bổ sung thì nêu rõ nội dung cần bổ sung một lần.

Bước 3. Thẩm định và lấy ý kiến: Cơ quan điều hành tại các thành phố tổ chức thẩm định về tư cách, phạm vi hoạt động, tuân thủ; lấy ý kiến Cơ quan giám sát và cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết). Thời hạn xử lý nội bộ do Cơ quan điều hành tại các thành phố công bố theo từng nhóm hồ sơ.

Bước 4. Quyết định đăng ký Thành viên: Cơ quan điều hành tại các thành phố quyết định đăng ký Thành viên hoặc Thông báo từ chối bằng văn bản (*nêu rõ lý do*).

Bước 5. Cấp Giấy chứng nhận và thông báo: Cơ quan điều hành tại các thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký Thành viên và thông báo kết quả trên Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên và các Hệ thống liên thông giải quyết thủ tục hành chính công.

2. Đăng ký thay đổi thông tin Thành viên

2.1. Thành viên có trách nhiệm thông báo thay đổi thông tin đăng ký trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi hoặc theo thời hạn khác do pháp luật chuyên ngành quy định.

2.2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký thay đổi như sau:

Bước 1. Nộp hồ sơ: Thành viên nộp hồ sơ đăng ký thay đổi theo danh mục

hồ sơ công bố trên Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên; giải trình, đính kèm các tài liệu liên quan đến nội dung đăng ký thay đổi theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

Bước 2. Kiểm tra tính hợp lệ: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan điều hành tại các thành phố kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký thay đổi theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp cần bổ sung thì nêu rõ nội dung cần bổ sung một lần.

Bước 3. Thẩm định và lấy ý kiến: Cơ quan điều hành tại các thành phố tổ chức thẩm định về tư cách, phạm vi hoạt động, tuân thủ; gửi lấy ý kiến Cơ quan giám sát và cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết) đối với nội dung đăng ký thay đổi. Thời hạn xử lý nội bộ do Cơ quan điều hành tại các thành phố công bố theo từng nhóm hồ sơ.

Bước 4. Chấp thuận nội dung đăng ký thay đổi và công bố: Cơ quan điều hành tại các thành phố chấp thuận nội dung đăng ký thay đổi, cấp Giấy chứng nhận đăng ký Thành viên thay đổi trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký Thành viên và thông báo kết quả trên Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên và các Hệ thống liên thông giải quyết thủ tục hành chính công.

3. Chấm dứt tư cách Thành viên

Việc chấm dứt tư cách Thành viên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 324/2025/NĐ-CP.

4. Lệ phí đăng ký Thành viên

Cơ quan điều hành tại các thành phố thống nhất trình cấp có thẩm quyền ban hành phí, lệ phí đăng ký, công nhận Thành viên, biểu phí cấp phép hoạt động và các thủ tục có liên quan đến Thành viên trong Trung tâm tài chính quốc tế.

III. Trình tự, thủ tục công nhận Thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15

Trình tự, thủ tục công nhận, thay đổi, chấm dứt tư cách Thành viên thực hiện tương tự theo quy định tại Mục II Phụ lục này.

Thời hạn cấp Giấy chứng nhận công nhận Thành viên là 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị công nhận Thành viên.

Phụ lục II
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN VÀ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ
THÀNH VIÊN VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA TRUNG TÂM
TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGÀNH, NGHỀ
KHÔNG THUỘC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

(Kèm theo Quy chế ban hành theo
Quyết định số 05 /QĐ-HĐĐHTTC ngày 24 tháng 7 năm 2026)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư gửi hồ sơ bằng tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt¹ cho Cơ quan điều hành tại các thành phố để thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Trung tâm tài chính quốc tế) khi đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, uy tín và có lĩnh vực hoạt động phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam; điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Nội dung chi tiết được quy định tại Mục II của Quy định này.

2. Trường hợp Thành viên đăng ký hoạt động ngành, nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật, các Nghị định hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 222/2025/QH15, phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép hoạt động hoặc Giấy phép đủ điều kiện hoạt động trước khi hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế (khoản 7 Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP); hoặc theo quy định, hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố.

3. Việc áp dụng hạn chế về tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

II. TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TẠI TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1. Tiêu chuẩn về tư cách pháp lý và minh bạch sở hữu

a) Tư cách pháp lý

Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký Thành viên phải là tổ chức được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài, có đầy đủ giấy tờ pháp lý chứng minh tình trạng hoạt động hợp lệ, không đang trong quá

¹ Theo một trong các phương thức sau đây: trực tiếp tại Cơ quan điều hành tại các thành phố; dịch vụ bưu chính; Hệ thống đăng ký và công nhận Thành viên (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP).

trình tạm ngừng kinh doanh, đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, đang làm thủ tục phá sản, bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc bị đình chỉ hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Đối với tổ chức nước ngoài cần phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương và tài liệu chứng minh tư cách pháp lý được hợp pháp hóa lãnh sự.

Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp không được đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, trừ những doanh nghiệp đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản theo quy định của pháp luật.

b) Minh bạch cấu trúc sở hữu và kiểm soát

Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư phải kê khai đầy đủ, trung thực, chính xác Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn, tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp và sơ đồ cấu trúc sở hữu đến chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng.

2. Về hồ sơ đăng ký Thành viên

Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp bằng tiếng Anh kèm theo bản dịch tiếng Việt trong Trung tâm tài chính quốc tế theo hướng dẫn của Cơ quan điều hành tại các thành phố tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp:

(1) Giấy đề nghị đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp; hoặc Văn bản đề nghị công nhận Thành viên và đăng ký doanh nghiệp tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp;

(2) Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức, doanh nghiệp và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

(3) Giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật;

(4) Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp;

(5) Danh sách thành viên/Danh sách cổ đông sáng lập, Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

3. Trụ sở

Thành viên phải có trụ sở chính tại Trung tâm tài chính quốc tế (tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc thành phố Đà Nẵng) và phải duy trì trụ sở chính trong suốt quá trình hoạt động (khoản 7 Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP).

4. Năng lực tài chính

Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đảm bảo năng lực tài chính tối thiểu để đăng ký Thành viên và góp vốn điều lệ doanh nghiệp. Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư giải trình về năng lực tài chính, đính kèm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất được kiểm toán của tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư.

5. Uy tín và năng lực (Fit and Proper)

Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký Thành viên kê khai và đính kèm:

- Bản cam kết năng lực và đạo đức (fit & proper form) dành cho cá nhân (*dành cho các nhân sự chủ chốt*);

- Bản cam kết năng lực và đạo đức (fit & proper form) dành cho tổ chức.

Tiêu chuẩn fit & proper áp dụng đối với tổ chức đăng ký Thành viên, chủ sở hữu hưởng lợi, cổ đông/nhà đầu tư lớn, người quản lý, điều hành.

Người quản lý điều hành phải có trình độ chuyên môn và năng lực kinh nghiệm phù hợp trong lĩnh vực đăng ký hoạt động ngành, nghề kinh doanh chính.

6. Ngành, nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh đăng ký Thành viên phải phù hợp với định hướng phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế; và danh mục ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế (*theo Quyết định của Cơ quan điều hành tại các thành phố*).

III. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

Cơ quan điều hành tại các thành phố thẩm định việc đáp ứng điều kiện đăng ký Thành viên đối với các nội dung quy định tại Mục II Quy định này; cụ thể:

STT	Nội dung thẩm định	Tiêu chuẩn cụ thể	Tài liệu chứng minh	Có	Không
1	Tư cách pháp lý	Hoạt động hợp pháp, không trong quá trình tạm ngừng kinh doanh, đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, đang làm thủ tục phá sản, bị thu	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương của tổ chức, doanh nghiệp; - Tài liệu hợp pháp hóa lãnh sự (<i>đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài</i>);		

STT	Nội dung thẩm định	Tiêu chuẩn cụ thể	Tài liệu chứng minh	Có	Không
		hội do cưỡng chế về quản lý thuế, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc bị đình chỉ hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	- Tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp không được đăng ký tên doanh nghiệp trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp khác đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật.		
2	Minh bạch sở hữu	Xác định rõ chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng và sơ đồ kiểm soát	- Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi/Danh sách cổ đông/thành viên góp vốn. - Sơ đồ cấu trúc sở hữu chi tiết. - Danh sách thành viên/Danh sách cổ đông sáng lập, Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.		
3	Đại diện theo ủy quyền; đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	Người đại diện có đầy đủ thẩm quyền thực hiện đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp	- Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền, đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; - Giấy tờ pháp lý cá nhân (<i>căn cước/hộ chiếu</i>) của người đại diện theo ủy quyền; đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.		
4	Trụ sở hoạt động	Có trụ sở chính tại Trung tâm tài chính quốc tế (<i>Thành phố Hồ Chí Minh hoặc thành phố Đà Nẵng</i>)	- Tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm (hợp đồng thuê) trong phạm vi địa lý của Trung tâm tài chính quốc tế.		

STT	Nội dung thẩm định	Tiêu chuẩn cụ thể	Tài liệu chứng minh	Có	Không
5	Năng lực tài chính	Đảm bảo đủ nguồn vốn điều lệ và khả năng duy trì hoạt động	- Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất (<i>được kiểm toán</i>); hoặc - Cam kết bảo lãnh/hỗ trợ tài chính từ công ty mẹ/ngân hàng; hoặc - Tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư.		
6	Uy tín và năng lực (Fit & Proper)	Nhân sự chủ chốt và tổ chức có đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn phù hợp	- Bản cam kết Fit & Proper (theo mẫu) cho cá nhân và tổ chức. - Hồ sơ năng lực/bằng cấp của Người quản lý điều hành chứng minh trình độ chuyên môn và năng lực kinh nghiệm phù hợp trong lĩnh vực đăng ký hoạt động ngành, nghề kinh doanh chính.		
7	Ngành, nghề kinh doanh đăng ký	Phù hợp với định hướng phát triển; và danh mục ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế	Rà soát đối với định hướng phát triển; và danh mục ngành, nghề, sản phẩm, dịch vụ ưu tiên phát triển của Trung tâm tài chính quốc tế.		

Ghi chú: Cơ quan điều hành tại các thành phố ghi cụ thể tài liệu chứng minh do tổ chức, doanh nghiệp đính kèm tại hồ sơ đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp tại cột “Tài liệu chứng minh” theo nội dung mô tả tại bảng trên.

IV. CÁC NỘI DUNG CẦN LƯU Ý SAU KHI ĐƯỢC ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Trong vòng 90 (*chín mươi*), kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký Thành viên và đăng ký doanh nghiệp, Thành viên phải báo cáo, đính kèm tài liệu chứng minh về việc hoàn tất việc góp vốn điều lệ theo quy định.

Trong thời gian chưa thành lập ngân hàng Thành viên trong Trung tâm tài chính quốc tế, Thành viên cung cấp tài liệu chứng minh về việc hoàn tất việc góp vốn điều lệ tại các tổ chức tín dụng, ngân hàng ngoài Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định. Sau khi ngân hàng Thành viên trong Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập, Thành viên phải thực hiện việc góp vốn điều lệ tại ngân hàng Thành viên trong Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định, báo cáo, đính kèm tài liệu như đã nêu trên.

Trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc, Thành viên phải có báo cáo bằng văn bản gửi về Cơ quan điều hành tại các thành phố; trong đó báo cáo về tình hình thực hiện góp vốn điều lệ; thời gian cần thiết để hoàn tất việc góp vốn điều lệ theo quy định.

Trường hợp quá thời hạn nêu trên Cơ quan điều hành tại các thành phố không nhận được báo cáo của Thành viên. Như vậy, Thành viên không đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực tài chính, Cơ quan điều hành tại các thành phố thực hiện thủ tục chấm dứt tư cách Thành viên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Nghị định số 324/2025/NĐ-CP.



Phụ lục III

MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH TẠI CÁC THÀNH PHỐ

(Áp dụng trong trường hợp Cơ quan điều hành tại các thành phố cùng ký ban hành ban hành các văn bản, quy trình, quy chuẩn, thủ tục, biểu mẫu và các văn bản khác theo thẩm quyền được quy định tại Nghị quyết số 222/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn thi hành để áp dụng thống nhất tại các thành phố)

(Kèm theo Quy chế ban hành theo

Quyết định số 05 /QĐ-HĐĐHTTC ngày 24 tháng 7 năm 2026)

**TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
TẠI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-CQĐH

Ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành [...]**

Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 323/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ [...];

Căn cứ Quy chế hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐĐH ngày tháng năm 2026 của Hội đồng điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;

Chủ tịch Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại thành phố Đà Nẵng thống nhất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này [...].

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các phòng, ban thuộc Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế

tại thành phố Đà Nẵng; Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH
TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
CHỦ TỊCH**

**CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH
TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỦ TỊCH**

[...]

[...]

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng điều hành TTTC;
- [...];
- Lưu VT, VP CQĐH.